

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST

Ngày 21-9-2018

V/v tranh chấp dân sự đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ninh;
2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2018/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị T, sinh năm 1959; cư trú tại: Tổ 3, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967, có mặt;

Bà Phan Ngọc T1, sinh năm 1966, vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Tổ 7, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Châu Thị T trình bày:

Vào ngày 11/4/2009 bà có cho ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ngọc T1 vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, mục đích để lấy vốn làm ăn, hẹn 6 tháng sau sẽ trả tức ngày 11/10/2009, hai bên không thỏa thuận lãi suất; ông C, bà T có viết “Giấy mượn tiền” cho bà và thỏa thuận thế chấp cho bà diện tích đất khoảng 397 m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSD đất), có tứ cận: Đông giáp đường 793, tây giáp rừng, nam giáp đất ông H, bắc giáp đất bà H1; trên đất có 01 căn nhà và giao cho bà cất giữ 04 giấy tay “Giấy sang nhượng đất”. Bà được quyền quản lý phần đất và 4 giấy tay “Giấy sang nhượng đất” trên, nếu đến hạn mà ông C, bà T không trả được nợ thì ông C, bà T đồng ý giao cho bà quản lý và sử dụng phần đất trên. Đến hạn nhưng ông C, bà T không trả được nợ cho bà nên vào tháng 11/2009, ông C, bà T đã giao cho bà quản lý, sử dụng nên bà đã làm thủ tục kê khai đăng ký để được cấp giấy CNQSDĐ đối với phần trên, trong thời gian đợi kết quả được cấp giấy CNQSDĐ, ông C phải đi chấp hành án phạt tù 7 năm, sau khi hành án xong ông C, bà T không đồng ý giao đất cho bà, cũng không trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc.

Nay bà Châu Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ngọc T1 trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào khoảng tháng 4/2009 ông và vợ là bà Phan Ngọc T1 có vay của bà Châu Thị T số tiền 100.000.00 đồng để lấy vốn làm ăn, khi vay hai bên không thỏa thuận tiền lãi, ông và vợ có ký tên vào “Giấy mượn tiền” do bà T viết, ông và vợ đồng ý thế chấp hai phần đất chưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích khoảng 3,97 m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh tây Ninh: Phần đất ngang 7,7m, dài hết đất, có tứ cận: Đông giáp đường 793, tây giáp rừng, nam giáp đất ông H, bắc giáp đất Phan Ngọc T1; Phần đất diện tích 189m² có tứ cận: Đông giáp đường 793, tây giáp rừng, nam giáp bà Phan Ngọc T1, bắc giáp đất bà H1. Ông và vợ có giao cho bà Châu Thị T 02 giấy tay mua bán đất giữa vợ ông là bà Phan Ngọc T1 và ông Nguyễn Quốc Đvì 02 phần đất trên chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Khi vay thỏa thuận thời hạn trả là 6 tháng tức khoảng đến tháng 10/2009 sẽ trả, nếu không thực hiện việc trả nợ thì bà T được quyền quản lý 02 phần đất trên đến khi nào vợ cH1 ông C trả nợ xong thì lấy đất lại, nếu trong quá trình bà Châu Thị T quản lý có ai tranh chấp hay mua bán gì thì ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ngọc T1 chịu trách nhiệm.

Nhưng trong thời gian chưa đến hạn trả nợ, bà Châu Thị T có nhờ ông C giúp đỡ tham gia vụ kiện giữa bà và người khác tại Tòa án nhân dân huyện Tân C với tư cách là người làm chứng, bà T hứa sẽ trả thù lao cho ông C 100.000.000 đồng, sau đó bà T đồng ý trừ cho ông C khoản tiền nợ là 80.000.000 đồng, ông C còn nợ lại bà T 20.000.000 đồng, ông C đã trả cho bà T được 15.000.000 đồng nên ông chỉ còn nợ bà

T 5.000.000 đồng. Ông C có yêu cầu bà T giao lại giấy nợ và các giấy tay mua bán đất lại nhưng bà T yêu cầu khi nào ông C trả cho bà 5.000.000 đồng còn lại, bà T sẽ trả lại cho ông các giấy tờ trên, sự việc này hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản.

Từ đó đến tháng 10/2009 bà T không đòi vợ chồng ông số tiền 100.000.000 đồng nữa. Đến ngày 8/4/2012 ông phải đi chấp hành án phạt tù đến ngày 10/9/2017 ông trở về, thì ông phát hiện sự việc bà Châu Thị T đã làm thủ tục kê khai đăng ký để được cấp giấy CNQSDĐ đối với 02 phần đất trên tại UBND xã B.

Nay bà T yêu cầu ông và vợ là Phan Ngọc T1 trả số tiền 100.000.000 đồng. Ông đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng.

Bị đơn – bà Phan Ngọc T1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn C.

Bà đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng nhưng do bận đi làm ăn ở xa không về để tham ra hòa giải và xét xử được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Châu Thị T: Yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ngọc T1 trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi; phần đất thế chấp do chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết tại phiên hòa giải xong, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C: Ông đồng ý trả cho bà T 100.000.000 đồng, phần đất thế chấp do chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết tại phiên hòa giải xong, không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với việc bà T hứa thưởng cho ông 100.000.000 đồng khi làm chứng tại Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, ông sẽ khởi kiện một vụ án khác khi có đủ chứng cứ.

- Bị đơn bà Phan Ngọc T1 vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

Theo quy định tại Điều 427 BLDS năm 2005, quy định về “Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng dân sự” thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay và lãi suất đã hết; nên để đảm bảo cho quyền và lợi ích của các đương sự thì các đương sự chỉ còn có quyền

tranh chấp về hợp đồng dân sự là “Đòi tài sản” theo Điều 256 của Bộ luật dân sự 2005.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được HĐXX xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở để chấp nhận.

+ Về kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Ngọc T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngày 26/3/2018 Tòa án tân Biên thụ lý vụ án dân sự thụ lý số 60/2018/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ, hợp đồng vay tài sản được ký kết từ ngày 11/4/2009 thời hạn 06 tháng sẽ trả tiền gốc tuy nhiên đến nay vẫn chưa trả, đến ngày 26/3/2018 nguyên đơn mới khởi kiện, theo quy định tại Điều 427 BLDS năm 2005, quy định về “Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng dân sự” thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay và lãi suất đã hết; để đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự thì các đương sự chỉ còn có quyền tranh chấp về hợp đồng dân sự là “Đòi tài sản” theo Điều 256 của Bộ luật dân sự 2005. Do vậy việc khởi kiện của bà Châu Thị T được xác định là quan hệ “*Tranh chấp dân sự đòi tài sản*”.

Hợp đồng vay được ký kết từ ngày 11/4/2009 nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[3] Chứng cứ bà Châu Thị T cung cấp là “*Giấy mượn tiền*” bản chính ngày 11/4/2009 số nợ 100.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn C, bà Phan Ngọc T1 được các bên thừa nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Xác định số nợ gốc của ông C, bà T là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C đồng ý trả cho bà T 100.000.000 đồng nên ghi nhận, tuy nhiên bà Phan Ngọc T1 vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2018 bà đồng ý cùng ông C có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị T 100.000.000 đồng. Do vậy việc khởi kiện của nguyên đơn Châu Thị T là có căn cứ. Cần buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị T 100.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Đối với phần đất thế chấp do chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với việc bà Châu Thị T hứa thưởng cho ông Nguyễn Văn C 100.000.000 đồng khi làm chứng tại Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, ông sẽ khởi kiện một vụ án khác khi có đủ chứng cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông C, bà T phải chịu 100.000.000 đồng $\times 5\% = 5.000.000$ đồng án phí đối với yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 256 và Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ngọc T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Châu Thị T số tiền nợ là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Châu Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ngọc T1 không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ngọc T1 phải trả cho bà Châu Thị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C và Phan Ngọc T1 phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Châu Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà Châu Thị T 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005100 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.A.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đặng Ngọc An**